

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Yêu cầu nhân sự chủ chốt: Không.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

Phương pháp đánh giá: Đạt/Không đạt

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với

từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung đánh giá | | Tiêu chuẩn đánh giá |
|--|---|---------------------|
| 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật | | |
| 1.1 Chung loại hàng hóa | Chung loại hàng hóa cung cấp đáp ứng đúng yêu cầu nêu tại Phạm vi cung cấp Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống). | Đạt |
| | Chung loại hàng hóa cung cấp không đúng theo yêu cầu nêu tại Phạm vi cung cấp Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống). | Không đạt |
| 1.2 Có tài liệu nêu rõ (đối với từng loại hàng hóa) dự thầu nêu tại phạm vi cung cấp Mẫu số 01A cụ thể: + Ký mã hiệu (theo quy định của nhà sản xuất); + Nhãn mác sản phẩm (theo quy định của nhà sản xuất); + Tên nhà sản xuất (Phải có); + Xuất xứ, nước sản xuất (Phải có). | Đáp ứng theo yêu cầu. | Đạt |
| | Không đáp ứng theo yêu cầu. | Không đạt |
| 1.3 Mô tả hàng hóa | Có lập bảng mô tả chi tiết thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu (theo Bảng tại khoản 1.2 Mục 1 Chương V của E-HSMT). | Đạt |
| | Không có lập bảng mô tả chi tiết thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu (theo Bảng tại khoản 1.2 Mục 1 Chương V của E-HSMT) hoặc có nhưng thiếu 01 hàng hóa mời thầu. | Không đạt |
| 1.4 Yêu cầu về kỹ thuật | - Có các tài liệu đáp ứng yêu cầu nêu tại | Đạt |

| Nội dung đánh giá | Tiêu chuẩn đánh giá | |
|--|--|-----------|
| | khoản 1.3 Mục 1 Chương V của E-HSMT. - Có tài liệu thể hiện chi tiết thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại khoản 1.3 Mục 1 Chương V của E-HSMT. | |
| | - Không có các tài liệu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 1.3 Chương V của E-HSMT - Không có tài liệu thể hiện chi tiết hoặc có thể hiện nhưng không đáp ứng về thông số kỹ thuật theo yêu cầu tại khoản 1.3 Mục 1 Chương V của E-HSMT. | Không đạt |
| 1.5 Nhà thầu phải cam kết tất cả hàng hóa dự thầu có khả năng thích ứng về địa lý, môi trường tại Việt Nam. | Có cam kết đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu và thuyết minh biện pháp giải quyết (nếu có) đối với trường hợp hàng hóa có tác động đối với môi trường. | Đạt |
| <i>Ghi chú (nếu có): Trường hợp hàng hóa có tác động đối với môi trường thì E-HSMT phải có thuyết minh biện pháp giải quyết.</i> | Không có cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu hoặc không có thuyết minh biện pháp giải quyết (nếu có) đối với trường hợp hàng hóa có tác động đối với môi trường. | Không đạt |
| 2. Biện pháp tổ chức cung cấp và tiến độ, thời gian thực hiện | | |
| 2.1 Thuyết minh biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa, dịch vụ. | Có thuyết minh biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa, dịch vụ phù hợp với tính chất gói thầu. Có kế hoạch quy trình thi công chế tạo, lắp đặt các mặt hàng cung cấp cho gói thầu, thuyết minh biện pháp thi công lắp đặt có nêu đầy đủ và chi tiết trình tự thi công, bố trí thiết bị, nhân lực thi công (thể hiện rõ ràng trong thuyết minh và bản vẽ). Nhà thầu có thuyết minh về biện pháp đảm bảo chất lượng hàng hóa. Có quy trình kiểm soát chất lượng cụ thể cho từng loại mặt hàng trước, trong và sau khi lắp đặt. Có kế hoạch, nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành của gói thầu cụ thể, hợp lý và phù hợp với tiến độ nhà thầu đề xuất. | Đạt |
| | Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ hoặc không phù hợp | Không đạt |
| 2.2 Thời gian thực hiện hợp | Tối đa 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Tiêu chuẩn đánh giá |
|---|--|---------------------|
| đồng | trước 31/12/2025. (Nhà thầu phải kèm theo E-HSDT bản cam kết đáp ứng theo yêu cầu) | |
| | Không có cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng theo yêu cầu. | Không đạt |
| 3. Bảo hành | | |
| Bảo hành theo yêu cầu tại Mục 1 Chương V của E-HSMT. (Nhà thầu phải kèm theo E-HSDT bản cam kết đáp ứng theo yêu cầu) | Có bản cam kết thể hiện đáp ứng theo yêu cầu. | Đạt |
| | Không thể hiện hoặc có nhưng không đáp ứng theo yêu cầu hoặc thiếu bản cam kết theo yêu cầu. | Không đạt |
| 4. Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó: - Không từ chối thương thảo hợp đồng. - Không từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. - Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu. (Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng nội dung này) | Đáp ứng tất cả theo yêu cầu (có cam kết). | Đạt |
| | Không đáp ứng tất cả theo yêu cầu (không có cam kết) | Không đạt |
| 5. Các yếu tố cần thiết khác | | |
| Có cam kết theo yêu cầu tại khoản 1.3 Mục 1 Chương V của E-HSMT. (Nhà thầu phải kèm theo E-HSDT bản cam kết đáp ứng theo yêu cầu) | Có cam kết đáp ứng theo yêu cầu. | Đạt |
| | Không có cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng theo yêu cầu. | Không đạt |